

Bản án số: 844/2020/HN-PT
Ngày: 04/9/2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Bà Quách Thanh Bình.

2/ Ông Phan Trịnh Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Huỳnh Duy Dũng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4336/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Cẩm N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp X1, xã 1, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Dương Tường K, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Ấp X2, xã V2, huyện B2, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: Đường M1, phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Đường M2, phường N2, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Bá T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đường M3, Quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh, Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Dương Tường K.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Cẩm N và ông Dương Tường K đã tổ chức đám cưới vào tháng 11/2017 và chung sống với nhau đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2018 do Ủy ban nhân dân xã V2, huyện B2, tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/8/2018.

Thực tế khi bà N và ông K quen nhau thì bản thân bà cũng không muốn đi đến kết hôn với ông K vì tính cách của ông K không phù hợp với bà nhưng khi đó ông K gây áp lực cho bà, bản thân bà nghĩ ông K yêu bà thì khi kết hôn ông K sẽ sửa đổi được, đồng thời bà thấy mẹ ruột của ông K cũng lớn tuổi và quý mến bà nên bà đã đồng ý kết hôn với ông K.

Tuy nhiên, trong thời gian từ khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, hai bên tự hòa giải tiếp tục chung sống nhưng sau đó lại xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống và cách ứng xử, chồng bà hay đi sớm về khuya, không chăm lo cho gia đình, không rõ ràng về tiền bạc, chỉ lo ham chơi và hay ghen tuông vô cớ. Do gia đình bà không bao giờ nghĩ đến hay chấp nhận việc bà sẽ ly hôn với chồng, bản thân bà cũng không muốn kết hôn rồi phải ly hôn, nên bà cùng ông K đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục nhiều mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung với chồng khiến bà rất áp lực, nhiều khi dẫn đến chán nản cuộc sống nên bà đã sống ly thân với chồng từ tháng 8/2018 đến nay. Việc mâu thuẫn của vợ chồng bà thì không ai biết và cũng không trình báo với chính quyền địa phương. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, không nộp đơn ly hôn tại Tòa án nào khác; việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

Bị đơn ông Dương Tường K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Tường K và bà Mai Thị Cẩm N đã đăng ký kết hôn như bà N trình bày.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng ông có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa bao giờ gây gổ lớn tiếng với nhau. Vào tháng 8/2019 vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng nhưng hai vợ chồng ông đã

hòa giải được và tiếp tục kế hoạch công việc kinh doanh để cùng lo cho gia đình. Việc mâu thuẫn của vợ chồng ông thì không ai biết và không trình báo chính quyền địa phương. Ông khẳng định trong khoảng thời gian đầu hôn nhân, vì xuất phát từ hai môi trường khác nhau nên ông và vợ có phát sinh một số xích mích nhỏ nhưng đã hiểu nhau, vợ chồng hòa hợp và chung sống hòa thuận. Như vậy, vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ mà dẫn đến việc vợ ông yêu cầu ly hôn thì không đáng. Nếu vợ ông thấy khó chịu điều gì trong cuộc sống thì ông hy vọng cùng vợ khắc phục, hòa giải những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Ngoài ra, việc vợ chồng ông mâu thuẫn còn liên quan đến vấn đề do ông K có vay nợ trước hôn nhân với số tiền là 400.000.000 đồng, nhưng ông đã trả nợ một phần và chỉ còn nợ khoảng 160.000.000 đồng, chủ nợ cũng thông cảm, không làm phiền gì tới ông và gia đình, bản thân ông sẽ cố gắng làm việc để trả hết số nợ trong thời gian tới để không làm ảnh hưởng đến vợ.

Từ những lý do trên nên ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K chỉ cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7, không nộp đơn ly hôn tại Tòa án nào khác; việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Cẩm N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Cẩm N được ly hôn với ông Dương Tường K.

Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, ông Dương Tường K kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án. Ông không đồng ý với bản án sơ thẩm bởi vì theo ông bản án sơ thẩm nhận định rằng vợ chồng ông những việc mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thực tế đã sống ly thân giữa hai vợ chồng là hoàn toàn không có cơ sở. Ngày 17/9/2019, vợ chồng ông với tư cách là 02 thành viên góp vốn của Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu T, cùng nhau thành lập chi nhánh 2 đặt trụ sở ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Đồng thời, vợ chồng ông thỏa thuận về việc ông với tư cách là thành viên tại chi nhánh 2 này từ đó đến nay. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, phải cách ly xã hội theo quy định của Chính Phủ, do đó việc đi lại giữa chi nhánh và công ty diễn ra khó khăn và hạn chế từ tháng 2/2020 đến khi xét xử. Hoàn toàn không có chuyện vợ chồng ông sống ly thân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vấn đề này giữa vợ chồng ông là không đúng sự thật khách quan. Việc vợ chồng ông có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân, không hòa hợp là không hề diễn ra, nếu có chỉ là những những sự trao đổi ý kiến chưa được thống nhất liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty nêu trên của 02 vợ chồng, không có bất cứ chứng cứ nào xác nhận rằng vợ chồng ông có mâu thuẫn trong hôn nhân và không hòa hợp. Mặt khác, về tình cảm thì ông còn rất yêu thương vợ, mong muốn hàn gắn gia đình và sớm đoàn tụ với bà N. Từ trước đến nay, ông không hề có hành vi bạo lực hay ghen tuông, tất cả đều làm theo sự đồng thuận và tôn trọng của ông đối với bà N. Việc bà N cho rằng ông có hành vi bạo lực, ghen tuông là hoàn toàn không có cơ sở. Với những lý do trên, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 211/2020/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Mai Thị Cẩm N trình bày: Bà không còn tình cảm, không muốn hàn gắn gia đình với ông K nữa. Bà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Lê Bá T trình bày: Bản án sơ thẩm nhận định vợ chồng ông K bà N mâu thuẫn là không có cơ sở. Ông K còn rất yêu thương vợ, không hề có hành vi đánh đập, bạo lực gia đình. Ông mong muốn hàn gắn gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Dương Tường K trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 08/6/2020 của ông Dương Tường K nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác đơn ly hôn của bà N, sửa bản án sơ thẩm, để vợ chồng ông đoàn tụ vì ông còn yêu vợ, mong hàn gắn gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, đã xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà N kiên quyết ly hôn, không muốn đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân, ông K cũng không đưa ra được phương án để có khả năng hàn gắn gia đình; Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên xác định hiện không còn chung sống, không chăm sóc nhau và không cùng nhau san sẻ trong cuộc sống gia đình. Cho thấy việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà N được ly hôn với ông K là phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Hai bên đồng ý với bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Tường K. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Cẩm N được ly hôn với ông Dương Tường K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2018 do Ủy ban nhân dân xã V2, huyện B2, tỉnh Bến Tre cấp ngày 22/8/2018 cho bà Mai Thị Cẩm N và ông Dương Tường K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí:

- Bà Mai Thị Cẩm N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000 (Hai trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0032125 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Ông Dương Tường K chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0032584 ngày 08 tháng 6 năm

2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP.HCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND Quận 7, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao Đặng Thị Bích Loan

Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt Võ Thị Mỹ Hạnh Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- TAND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Khánh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM
- Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019

Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh
Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Phạm Thị Thu Phương.

2/ Ông Nguyễn Chí Cao

Tiếp nhận vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLPT-HNGĐ ngày 14
tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Tuấn, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 38/2 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ
Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hương, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 181/37/6 Phan Đăng Lưu, Phường 1, quận Phú Nhuận, Thành phố
Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trụ sở: 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh Phú Nhuận: 203 Hoàng Văn Thụ, Phường 8, quận Phú
Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Anh Duy (theo Quyết định ủy
quyền tham gia tố tụng số 39/QĐ-BIDV.PN ngày 23/6/2017).

3.2/ Bà Nguyễn Thị Thơ.

Địa chỉ: 37 khu Đồng Tiến, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Biểu quyết: 3/3 các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Hường

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1016/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh; Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hường không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn cho bà Lê Thị Hường số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0041269 ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA